

KẾ HOẠCH

thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Kế hoạch số 19-KH/TW ngày 27/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kế hoạch số 332-KH/TU ngày 20/3/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới” trên địa bàn thành phố Biên Hòa

Căn cứ Kế hoạch số 332-KH/TU ngày 20/3/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 và Kế hoạch số 19-KH/TW ngày 27/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm tổ chức quán triệt triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 và Kế hoạch số 19-KH/TW ngày 27/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kế hoạch số 332-KH/TU ngày 20/3/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tạo sự thống nhất cao về nhận thức, chuyển biến mạnh mẽ trong hành động của cả hệ thống chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới trên địa bàn thành phố Biên Hòa.

2. Yêu cầu

Các cấp ủy, tổ chức đảng cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW và Kế hoạch số 332-KH/TU để xây dựng kế hoạch cụ thể gắn với chủ trương, đường lối của Đảng trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

II. CÔNG TÁC QUÁN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo Thành ủy xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện nội dung, quán triệt nội dung các Nghị quyết, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW và Kế hoạch số 332-KH/TU của Ban

Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Định hướng thông tin, truyền thông, tăng cường tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW và Kế hoạch số 332-KH/TU, Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố và kết quả thực hiện.

2. Các đồng chí Thành ủy viên, Bí thư các đảng bộ, chi bộ cơ sở, Ban Thường vụ Thành Đoàn, các cấp ủy trực thuộc Thành ủy và lãnh đạo các cơ quan đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Kế hoạch số 19-KH/TW, Kế hoạch số 332-KH/TU và Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố trong lĩnh vực phụ trách phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan và đơn vị.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tạo cơ hội cho nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin... Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả về vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%; 60% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội và 45% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp; 100% hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định; bảo đảm mức sống tối thiểu cho người có hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp xã hội cho hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo.

Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, cấp trung học cơ sở tối thiểu đạt 95%, cấp trung học phổ thông và tương đương tối thiểu đạt 75%; 100% phường, xã đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2; trên 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 95%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo cân nặng và chiều cao dưới 15%.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu

phát triển đất nước và xây dựng con người Việt Nam toàn diện.

IV. NHIỆM VỤ TRONG TÂM

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới cho cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý và nhân dân, nhất là người đứng đầu. Khẳng định quyết tâm xây dựng và thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững; dựa trên quyền con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể; phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo động lực góp phần phát triển đất nước.

Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong tiếp cận chính sách xã hội.

Kiểm toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chính sách xã hội từ thành phố đến cơ sở; tăng cường vai trò giám sát của nhân dân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

Hiện đại hóa công tác quản lý nhà nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân.

Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội; tăng cường xã hội hóa, hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội.

3. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Chú trọng thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công, người gặp khó khăn trong cuộc sống. Thực hiện chính sách ưu tiên trong chăm sóc sức khỏe, nhà ở, giáo dục - đào

tạo, việc làm, sản xuất và tạo thuận lợi cho người có công và thân nhân tiếp cận các dịch vụ xã hội. Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

Phối hợp hoàn thành việc giải quyết tồn đọng trong chính sách người có công, nhất là tìm kiếm, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; xây dựng, tu bổ, tôn tạo các công trình ghi công liệt sĩ. Phát huy truyền thống đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội tích cực tham gia các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa" trên địa bàn thành phố.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

4.1. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; phối hợp đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, hội nhập quốc tế, chú trọng trang bị các kỹ năng mềm, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động. Phối hợp đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại kỹ năng tay nghề phù hợp cho lực lượng lao động, ưu tiên tập trung các ngành nghề và kỹ năng mới, nghề trọng điểm.

Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh, thiếu niên ngay từ bậc học phổ thông. Phối hợp thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Tập trung công tác phối hợp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp phụ trợ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới, như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, bán dẫn,...

4.2. Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiện đại, hiệu quả và bền vững

Phối hợp triển khai cơ chế, tạo sự gắn kết giữa các chính sách việc làm và chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; chuyển đổi số trong kết nối cung – cầu lao động, thông tin thị trường lao động, cung ứng các dịch vụ công về việc làm; xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm và quản lý nguồn nhân lực. Phối hợp rà soát, hoàn thiện và thực hiện nghiêm, có hiệu quả chính sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng, độc hại, nguy hiểm.

Từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức và tăng cơ hội việc làm bền vững cho người lao động. Tiếp tục mở rộng rà soát đối tượng thụ hưởng cho phù hợp với tình hình thực tế và tăng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người bị ảnh hưởng do thiên tai, dịch bệnh,

biến đổi khí hậu và các nhóm đối tượng yếu thế, lao động có hoàn cảnh khó khăn khác.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

5.1. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế bao phủ được toàn bộ lực lượng lao động

Tiếp tục thực hiện cải cách, mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội, tạo cơ hội tham gia và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động; thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật; tăng cường hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức.

Đổi mới hoạt động bảo hiểm thất nghiệp theo hướng chú trọng đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động bị thất nghiệp; tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế; nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, chất lượng khám chữa bệnh và khả năng tài chính của người dân hưởng bảo hiểm y tế. Xử lý nghiêm tình trạng nợ, gian lận, trục lợi chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

5.2. Thực hiện trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác.

Xây dựng góp ý nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu, các chính sách ưu tiên hỗ trợ cho người không có khả năng lao động, người khuyết tật, người cao tuổi, người di cư và gia đình có trẻ em, người thu nhập thấp. Phát triển mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người bị bạo lực gia đình và người bị bạo lực trên cơ sở giới.

Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững; kết nối, đẩy mạnh các hoạt động trợ giúp pháp lý trong các chương trình, chính sách về an sinh xã hội. Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

5.3. Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân.

Tổng kết việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo

bền vững giai đoạn 2026 - 2030. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế; nâng cao chất lượng cuộc sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

6.1. Về giáo dục

Thực hiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, liên thông, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hóa mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Phát triển các mô hình giáo dục tiên tiến, hội nhập; khuyến khích phát triển các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh. củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Tăng cường giáo dục hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Tăng cường đầu tư để duy trì và nâng cao kết quả xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia các cấp học. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp, nhất là ở khu đông dân cư. Thúc đẩy chủ trương xã hội hóa giáo dục, đào tạo, góp ý sửa đổi, bổ sung chính sách để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư cho giáo dục. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên.

6.2. Về y tế

Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, đảm bảo đủ nhân lực, nguồn ngân sách và cơ chế tài chính phù hợp cho y tế cơ sở, y tế dự phòng trong đó chú trọng đầu tư trạm y tế xã, phường.

Thực hiện phát triển và đổi mới hệ thống y tế đảm bảo công bằng, hiệu quả, chất lượng, bền vững, có khả năng chống chịu với các tình huống khẩn cấp và hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Phát triển mô hình bác sĩ gia đình, trạm y tế xã, phường hoạt động theo nguyên lý y học gia đình; quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; thực hiện kiểm tra sức khỏe cho người có nguy cơ cao mắc bệnh, hướng tới kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn dân; phát triển mạng lưới dịch vụ phục hồi chức năng.

Thực hiện chính sách về dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực người Việt Nam; đảm bảo vệ sinh và an toàn thực phẩm cho mọi người dân. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; tiếp tục phổ biến chế độ dinh dưỡng, khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng; triển khai các chương trình bổ sung vật chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi.

Đầu tư phát triển mạng lưới, nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động của y tế dự phòng đảm bảo năng lực phản ứng nhanh trước các rủi ro dịch bệnh. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, ngăn ngừa có hiệu quả và không chế dịch bệnh, đảm bảo an ninh y tế.

6.3. Về phát triển văn hóa

Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, di sản văn hóa dân tộc, văn hoá của đồng bào các dân tộc thiểu số, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các đối tượng chính sách và yếu thế. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hóa.

6.4. Về thông tin

Thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng; tăng cường viễn thông công ích. Hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số và bảo vệ người dân, các nhóm yếu thế, nhất là trẻ em an toàn trên môi trường mạng. Bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch; kiểm soát và xóa bỏ thông tin rác, thông tin ngoài luồng.

6.5. Về nhà ở

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn. Tổ chức triển khai thực hiện Đề án đầu tư xây dựng ít nhất một triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm Kế hoạch số 155-KH/TU ngày 12/01/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “phát triển nhà ở công nhân, nhà ở xã hội giai đoạn 2021 – 2025”.

Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê mua nhà ở xã hội cho các đối tượng theo Luật định và nhà lưu trú cho công nhân, người lao động. Triển khai có hiệu quả chính sách về đất đai, vốn, tín dụng hỗ trợ cho hộ nghèo, cải thiện nhà ở và nâng cao điều kiện an toàn về chỗ ở cho người dân sinh sống tại khu vực bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Huy động xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội.

6.6. Về nước sạch, vệ sinh môi trường

Tiếp tục xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án về bảo đảm nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân. Xây dựng chính sách cung cấp nước sạch cho các cơ sở giáo dục, y tế và các cơ sở thiết yếu khác. Triển khai chính sách về nước sạch đồng bộ, thống nhất, liên ngành, liên vùng và bảo đảm an ninh nguồn nước.

Thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường; lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát, ngăn chặn, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm, suy thoái môi trường; ưu tiên phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Phối hợp thực hiện hệ thống dịch vụ xã hội có tính liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, phù hợp nhu cầu đa dạng của các nhóm xã hội; chú trọng nâng cao chất lượng các dịch vụ về việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội; phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng.

Đổi mới đồng bộ các dịch vụ theo hướng hiện đại; quản lý và cung cấp dịch vụ xã hội trên nền tảng số phục vụ người dân và doanh nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng thụ hưởng chính sách xã hội. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công - tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, hiện đại hóa và cung ứng dịch vụ xã hội.

8. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Chủ động mời gọi các cá nhân, tổ chức nước ngoài tham gia hợp tác song phương, đa phương, hợp tác hỗ trợ phát triển đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyển giao khoa học - công nghệ trong tất cả các lĩnh vực chính sách xã hội; tích cực lồng ghép các nội dung thúc đẩy hợp tác quốc tế về chính sách xã hội trong chuyên thăm cấp cao và các cấp. Tăng cường thu hút, huy động các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tri thức đối tác trong triển khai thực hiện các chính sách xã hội.

9. Phát huy vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng trong thực hiện chính sách xã hội

Nâng cao chất lượng, tăng cường công tác giám sát, phản biện, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về chính sách xã hội của các cơ quan dân cử; đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp trong lắng nghe, phản ánh, giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong xã hội; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội; kiến nghị các biện pháp cần thiết với cơ quan liên quan để thực hiện hiệu quả chính sách xã hội.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố ban hành kế hoạch thực hiện; lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị về chính sách xã hội.

2. Căn cứ Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố các cấp ủy, tổ chức đảng, chi bộ cơ sở, cơ quan, đơn vị, địa phương nghiên cứu, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; tình hình thực tiễn của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; định kỳ kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

3. UBND thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện sớm đưa nội dung Nghị quyết

và các kế hoạch vào cuộc sống; ưu tiên bố trí nguồn lực; tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện; tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia và giám sát thực hiện Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố.

5. Ban Tuyên giáo Thành ủy chủ trì, phối hợp cùng Văn phòng Thành ủy, Văn phòng HĐND & UBND thành phố tổ chức hướng dẫn việc học tập và quán triệt tuyên truyền sâu rộng và triển khai thực hiện Kế hoạch của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, Ban Tuyên giáo Thành ủy chủ động đề xuất, báo cáo tham mưu Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy;
- Các đ/c Thành ủy viên;
- HĐND, UBNDTP;
- Các ban đảng, VPTU, Trung tâm CT TP;
- UB.MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội TP;
- Các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thành phố;
- Các cấp ủy trực thuộc;
- C, PVP TU;
- Lưu VP thành ủy.

Năm2024\KH283-B

T/M BAN THƯỜNG VỤ

PHÓ BÍ THƯ



Huỳnh Tấn Đạt